

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 46/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ng2, xã V L, huyện VB, tỉnh L C. Chỗ ở hiện nay thôn Ch 7, xã V L, huyện VB, tỉnh L C.

Bị đơn: Anh Lự Văn Q, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ng2, xã V L, huyện VB, tỉnh L C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Thị H và anh Lự Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị H và anh Lự Văn Q.

+ Về con chung: Chị Lương Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lự Thị X, sinh ngày 15/8/2012 và cháu Lự Minh Q, sinh ngày 28/9/2014 đến khi cháu X, cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Lự Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Lương Thị H theo định kỳ nuôi cháu Q mỗi tháng 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông-ời không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

+ Về án phí:

Chị Lương Thị H nhận chịu toàn bộ 150.000^d tiền án phí hôn nhân và gia đình Dân sự sơ thẩm và 150.000^d tiền án phí cấp dưỡng theo định kỳ. Tổng cộng là 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2012/08135 ngày 19/4/ 2018 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Văn Bàn. Chị Lương Thị H đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Anh Lự Văn Q không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn chị Lương Thị H (01).
- Bị đơn anh Lự Văn Q (01).
- Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn(1);
- Ủy ban nhân dân xã Võ Lao (1).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn(02).
- Lu HS vụ án (02),

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Lự